

Bản án số: **38/2019/HS-ST.**

Ngày 11/4/2019

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG.**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Hữu Bình

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

2. Ông Nguyễn Tiến Quân

Nghề nghiệp: Cán bộ.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Ông Hoàng Thế Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Q.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Doanh - Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2019/TLST-HS, ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn H**, sinh ngày 31/10/1985;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm 2, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ hai; vợ: Triệu Thị N, sinh năm 1988; con: Có 01 con, sinh năm 2005;

Tiền án: Có 01 tiền án; bản án số 37/2017/HSST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù, phạt tiền 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc. H chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 07/10/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 37/2012/HSST ngày 05/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù H cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng; phạt tiền 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc. H chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 28/3/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. *(có mặt tại phiên tòa)*.

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Nguyễn Kim Tuyền – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Tuyên Quang. *(có mặt tại phiên tòa)*

\* *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987; trú tại: Xóm 2, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1973; trú tại: Tổ 32, phường T, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 10/12/2018, Phạm Văn H, trú tại xóm 2, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (là người nghiện ma túy) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B1-146.23 (xe mô tô thuộc sở hữu của anh Phạm Văn T, em trai của H) đến gặp một người đàn ông (theo H khai là Vũ Ngọc T; trú tại tổ 32, phường T, thành phố Q). H hỏi mua Methamphetamine để sử dụng, người đàn ông đó đồng ý bán cho H 01 gói nhỏ Methamphetamine bên ngoài bọc bằng túi nilon màu trắng, với số tiền 200.000 đồng. H cất giấu gói Methamphetamine bên trong người rồi điều khiển xe mô tô đến khu vực Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang, thuộc tổ 7, phường Phan Thiết, thành phố Q thì bị Tổ công tác Công an thành phố Q phát hiện và bắt quả tang hồi 14 giờ 50 phút cùng ngày. Khi bị bắt H tự nguyện giao nộp 01 gói Methamphetamine.

Tại kết luận giám định số 68 ngày 13/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang kết luận: Mẫu vật (thu giữ của Phạm Văn H) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, số thứ tự 323 thuộc danh mục II C, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; khối lượng 0,150g *(không thấy một năm không gam)*.

Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Phạm Văn H, kết quả (+) dương tính, có chất ma túy trong cơ thể, H khai nhận ngày 03/12/2018 đã sử dụng ma túy cùng một người bạn không biết tên, tuổi, địa chỉ.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSTP, ngày 15 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố Phạm Văn H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Văn H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2

Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần án phí, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo có quan điểm bào chữa: Về hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đã khai nhận người bào chữa không có ý kiến gì. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là trái pháp luật, bị cáo thuộc trường hợp hộ cận nghèo, bị cáo bị bệnh hen phế quản mãn tính cần sử dụng thuốc điều trị thường xuyên, cần sống trong môi trường tốt có sự giúp đỡ của gia đình và cộng đồng; bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, học hết lớp 3/12 nên hạn chế về hiểu biết pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Văn T xác nhận khi bị cáo lấy xe mô tô của anh đi mua ma túy anh hoàn toàn không biết, anh cũng không biết việc bị cáo sử dụng ma túy. Xe mô tô là phương tiện đi lại, kiếm sống của anh nên anh đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe mô tô cho anh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể bị cáo, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Hồi 14 giờ 50 phút, ngày 10/12/2018, tại tổ 7, phường Phan Thiết, thành phố Q, tỉnh Tuyên Quang; Phạm Văn H, sinh năm 1985, trú tại xóm 2, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,150g (không phẩy một năm không gam) ma túy là Methamphetamine, mục đích để sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép chất Methamphetamine mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện gây mất trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án, xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà Nước, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của hộ gia đình và có thể là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, hoàn toàn nhận thức được hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo đã phạm tội 02 lần, bị Tòa án xét xử và đã từng đi chấp hành hình phạt tù, nH bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân. Để thảo mãn cơn nghiện, bị cáo bất chấp các quy định của pháp luật tàng trữ trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện hoàn toàn do lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới có đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án, bản án số 37/2017/HSST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 tháng tù, phạt tiền 3.000.000 đồng về tội Đánh bạc. H chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 07/10/2017, chưa được xóa án tích. Bị cáo phạm tội lần này là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn là người có nhân thân xấu, năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử về tội Đánh bạc, đã được xóa án tích.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, khai báo trung thực về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi mua bán ma túy mà bị cáo thực hiện là trái pháp luật; bị cáo thuộc trường hợp hộ cận nghèo, bị cáo bị bệnh hen phế quản mãn tính cần điều trị thường xuyên. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Trên đây là các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng để xem xét, quyết định hình phạt đối với bị cáo. Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về quan điểm của người bào chữa: Quan điểm của người bào chữa về hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo và bản cáo trạng, luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị áp dụng điều luật, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo là không phù hợp, vì bị cáo phạm tội lần này là tái phạm, có 01 tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân xấu, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Nên không có cơ sở chấp nhận quan điểm đề nghị áp dụng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với bị

cáo của người bào chữa. Ngoài ra, người bào chữa còn cho rằng bị cáo học hết lớp 3/12 là người có trình độ học vấn thấp nên hiểu biết hạn chế. Tuy nhiên, bị cáo đã 02 lần bị Tòa án xét xử về tội Đánh bạc, đã đi chấp hành hình phạt tù, nên ý kiến của người bào chữa là không phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã thu giữ 01 gói ma túy (Methaphetamin) được gói trong túi nilon màu trắng có khối lượng 0,150gam đã được cho vào phong bì niêm phong có chữ ký của bị cáo, giám định viên và dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, số ma túy này cần tịch thu tiêu hủy. Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q còn thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO bên trong có 01 sim điện thoại Viettel, là điện thoại của bị cáo, bị cáo không sử dụng điện thoại vào việc trao đổi để mua ma túy; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 22B1-146.23, là xe của anh Phạm Văn T (em trai của bị cáo), anh T không biết việc bị cáo sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy và đề nghị được xin lại xe mô tô vì đây là phương tiện để đi lại của anh T, đề nghị của anh T là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, cần trả lại chiếc điện thoại di động cho bị cáo H tạm giữ để đảm bảo thi hành án; trả lại xe mô tô cho anh Phạm Văn T.

[5] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo vào ngày 03/12/2018, Công an thành phố Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 384 ngày 21/12/2018, phạt tiền 600.000 đồng.

Đối với người đàn ông, theo H khai là Vũ Ngọc T đã bán Methamphetamine cho H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã áp dụng các biện pháp điều tra nh không có căn cứ chứng minh Tuyên là người bán Methamphetamine cho H.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý hai nội dung này.

[6] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Hội đồng xét xử đảm bảo xét xử đúng quy định của pháp luật; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng chức trách, ghi biên bản phiên tòa trung thực, phản ánh đúng diễn biến tại phiên tòa.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 106, 136, 331, 333 Bộ

luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn H** phạm tội *Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H **01 (Một)** năm **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/12/2018.

2. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì được niêm phong có chữ ký của bị cáo, giám định viên và dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong có gói Methamphetamine thu giữ của bị cáo.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO bên trong có 01 sim Viettel, H tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA biển kiểm soát 22B1-146.23 cho anh Phạm Văn T.

*(Tình trạng vật chứng được thể hiện như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/3/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q)*

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Phạm Văn H phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Vũ Ngọc T, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- Công an tp.Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp.Tuyên Quang;
- Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã T, huyện S;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thanh Huyền**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Hữu Bình – Nguyễn Tiến Quân**

**Lương Thanh Huyền**